

Bản án số: 13/2020/DS - ST

Ngày: 20-8-2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Việt Côi – Giáo viên nghỉ hưu

+ Ông Nguyễn Hạ Tuấn – Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST- DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP T Việt Nam (T)

Địa chỉ: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh

Người đại diện theo ủy Q: Ông Đặng Việt Tuấn, ông Nguyễn Hữu Tiến Anh và ông Dương Đình Chung (Theo giấy ủy Q số 09-03/2020/UQ-TCB ngày 02/01/2020) (Ông Tuấn có mặt)

*** Bị đơn:** + Ông Trịnh Văn Q – sinh năm 1961 (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1969 (vắng mặt)

Đều có HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện U, TP Hà Nội

*** Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Trịnh Thúy H1 – sinh năm 1990 (vắng mặt)

+ Anh Trịnh Tuấn L - sinh năm 1992 (vắng mặt)

Đều có HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện U, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các buổi làm việc tại Tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/5/2011, vợ chồng ông Trịnh Văn Q, bà Nguyễn Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47838/HĐTD/TH-TN/TCB TTB với Ngân hàng TMCP T Việt Nam (sau đây gọi tắt là "T") để vay 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*) và phụ lục số 01 Lịch trả nợ ngày 04/5/2011; mục đích vay vốn: vay tiêu dùng. Ông Q, bà H đã được T giải ngân là 900.000.000đ theo Khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47838 ngày 04/5/2011. Ngoài ra trong Hợp đồng tín dụng, phụ lục Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đều có các thỏa thuận khác như thời hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản bảo đảm... và các thỏa thuận khác.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ và các nghĩa vụ khác vợ chồng ông Trịnh Văn Q, bà Nguyễn Thị H đã thế chấp: Q sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 559, tờ bản đồ 04, diện tích 40,8 m² tại địa chỉ: thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số AO 371023, số vào sổ cấp GCNQSD đất H: 01154 do UBND huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội cấp ngày 25/11/2008 cho ông Trịnh Văn Q, bà Nguyễn Thị H. Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số 2478. 2011/HĐTC-TCB ký ngày 27/4/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký Q sử dụng đất huyện Ứng Hòa ngày 29/4/2011.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và Khế ước trên, vợ chồng ông Q, bà H đã thanh toán được một phần tiền gốc, tiền lãi cho T. Sau đó ông Q, bà H đã không thực hiện thanh toán gốc, lãi cho T theo thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Tạm tính đến ngày 01/7/2020, khoản nợ của vợ chồng ông Q, bà H tại Ngân hàng TMCP T Việt Nam là: Nợ gốc: 814.971.922 đồng; Nợ lãi trong hạn: 563.059.529 đồng; lãi quá hạn: 699.148.024 đ Tổng nợ: 2.077.179.475 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, công văn yêu cầu vợ chồng ông Q, bà H trả nợ theo như thỏa thuận tại hợp đồng và khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ; yêu cầu thực hiện đúng các nghĩa vụ đã cam kết tại Hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, vợ chồng ông Q, bà H cùng những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đều vi phạm cam kết, không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, cố tình kéo dài thời gian và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Để bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng đề nghị quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

+ Buộc ông Q, bà H thanh toán cho T số tiền tính đến ngày 01/7/2020: 2.077.179.475 đồng và phải tiếp tục thanh toán cho T tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 02/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

+ Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu ông Q, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP T Việt Nam có Q yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm nêu trên.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông Q, bà H đối với T. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Q, bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T.

Bị đơn và người có Q lợi nghĩa vụ liên quan: không có quan điểm, ý kiến gì.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn và người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt; nguyên đơn có thay đổi về yêu cầu số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 20/8/2020 là đề nghị Tòa giải quyết buộc ông Q, bà H phải thanh toán cho T là tiền nợ gốc 814.971.922 đồng, tiền lãi trong hạn 564.535.424 đồng, tiền lãi quá hạn 722.319.206 đồng, tổng là 2.101.826.552 đồng (*Hai tỷ một trăm linh một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi hai đồng*) ngoài ra vẫn giữ nguyên các nội dung khởi kiện khác và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và hướng xử lý tài sản như nguyên đơn trình bày. Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP T Việt Nam đã nộp đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ theo quy định. Tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 thì vụ án Dân sự này thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo phiên họp về việc kiểm tra, giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ..., Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập bị đơn, những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa làm việc theo quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử đã mở phiên tòa vào ngày 28/7/2020 nhưng do

sự vắng mặt của bị đơn, tất cả những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn và những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 47838/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 04/5/2011; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 04/5/2011 giữa ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị H với T với số tiền vay vốn là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng). Sau khi ký kết Hợp đồng, T đã thực hiện giải ngân cho ông Q, bà H 900.000.000đ (*Chín trăm triệu đồng*) theo khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 47838 ngày 04/5/2011. Hợp đồng tín dụng giữa T và ông Q, bà H trên cơ sở tự nguyện, bảo đảm các quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Q, bà H đã trả được: 85.028.078 đồng tiền nợ gốc và 180.614.126 đồng tiền nợ lãi, tổng cộng 265.642.204 đồng cho T nhưng sau đó ông Q, bà H vi phạm thời hạn thanh toán nên T nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông Q, bà H vẫn không trả toàn bộ gốc và lãi nói trên. Do vi phạm Hợp đồng T yêu cầu ông Q, bà H phải trả số tiền gốc là có căn cứ; T yêu cầu ông Q, bà H phải thanh toán tiền nợ lãi và lãi quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T, cụ thể buộc ông Q, bà H phải thanh toán trả T số tiền (lãi tính đến ngày 20/8/2020) gốc là: 814.971.922 đồng; Nợ lãi trong hạn: 564.535.424 đồng, tiền lãi quá hạn 722.319.206 đồng, tổng là 2.101.826.552 đồng (*Hai tỷ một trăm linh một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi hai đồng*). Buộc ông Q, bà H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết cũng như Khế ước nhận nợ kể từ ngày 21/8/2020 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản đảm bảo thì thấy: Khi ký kết Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận biện pháp bảo đảm, trong quá trình thực hiện ký kết Hợp đồng tín dụng ông Q, bà H có thể chấp 01 Bất động sản theo hợp đồng thế chấp sau: Toàn bộ Q sử dụng đất, Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 559, tờ bản đồ 04, diện tích 40,8 m² tại địa chỉ: thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số AO 371023, số vào sổ cấp GCNQSD đất H: 01154 do UBND huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội cấp ngày 25/11/2008 cho ông Trịnh Văn Q, bà Nguyễn Thị H. Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số 2478. 2011/HĐTC-TCB ký ngày 27/4/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký Q sử dụng đất huyện Ứng Hòa ngày 29/4/2011.

Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất nêu trên thì

không cho ai thuê, mượn, chuyển nhượng, tặng cho ai, không có tranh chấp với các hộ liền kề hay bất kỳ ai. Tài sản trên đất vẫn giữ nguyên hiện trạng như khi thế chấp. Trên nhà đất thế chấp hiện tại không có ai sinh sống.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và công chứng tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền Q nên Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số: 2478. 2011/HĐTC-TCB ký ngày 27/4/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội là hợp pháp và là căn cứ phát sinh Q và nghĩa vụ của các bên. Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của T trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, T có đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt 704.391.395. đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng là 9.000.000 đồng. Vì vậy, việc T rút yêu cầu khởi kiện được Tòa chấp nhận là phù hợp với Điều 244 BLTTDS nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: T tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng; các đương sự không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 146; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 74.037.000đ; T không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.000.000đ.

[6] Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của BLTTDS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Điều 146, Điều 147; Điều 244; Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 275; Điều 463, 466, 468; 357; 292, 293, 295, 298, 299; 317, 318, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T Việt Nam đối với ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho T, số tiền tính đến ngày xét xử - ngày 20/8/2020 là **2.101.826.552 đồng** (*Hai tỷ một trăm linh một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi hai đồng*) trong đó nợ gốc là: 814.971.922 đồng, tiền lãi trong hạn 564.535.424 đồng, tiền lãi quá hạn 722.319.206 đồng.

Kể từ ngày 21/8/2020, ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47838/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 04/5/2011 và khế ước nhận nợ số: 47838 ngày 04/5/2011 và được điều chỉnh phù hợp với lãi suất cho vay của T theo từng thời kỳ nhưng không được trái quy định pháp luật.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị H không trả được số tiền nợ trên và lãi phát sinh cho T thì T có Q đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi toàn bộ khoản nợ cho T, cụ thể: Toàn bộ Q sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 559, tờ bản đồ 04, diện tích 40,8 m² tại địa chỉ: thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội. Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số AO 371023, sổ vào sổ cấp GCNQSD đất H: 01154 do UBND huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội cấp ngày 25/11/2008 cho ông Trịnh Văn Q, bà Nguyễn Thị H. Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số 2478. 2011/HĐTC-TCB ký ngày 27/4/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội. Việc thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký Q sử dụng đất huyện Ứng Hòa ngày 29/4/2011.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả hết các khoản nợ cho T thì ông Q, bà H có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số nợ cho T. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Buộc Ông Trịnh Văn Q và bà Nguyễn Thị H phải nộp: **74.037.000 đ** (*Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T Việt Nam **43.000.000đ** (*Bốn mươi ba triệu đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009613 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

5. Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến Q lợi, nghĩa vụ của mình./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh